

BÁO CÁO

Kết quả kiểm tra hoạt động y tế tỉnh Bình Phước năm 2013

Căn cứ Quyết định số 4858/QĐ-BYT ngày 3/12/2013 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc ban hành ban hành Bộ tiêu chí đánh giá chất lượng bệnh viện năm 2013;

Căn cứ Quyết định số 185/QĐ-TCDS ngày 31/5/2013 của Tổng cục Dân số - Kế hoạch hóa gia đình về việc ban hành Bảng điểm đánh giá công tác Dân số - Kế hoạch hóa gia đình năm 2013;

Căn cứ Quyết định số 4102/QĐ-BYT ngày 15/10/2013 của Bộ Y tế về việc ban hành Bảng kiểm tra công tác chăm sóc sức khỏe sinh sản năm 2013;

Căn cứ Quyết định số 267/QĐ-ATTP ngày 01/08/2012 của Cục Vệ sinh an toàn thực phẩm về việc ban hành Bảng điểm và mẫu biên bản kiểm tra công tác An toàn vệ sinh thực phẩm của Chi cục ATVSTP tuyến tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương;

Thực hiện Công văn số 94/ATVSTP-HCTH ngày 25/10/2013 của Chi cục Vệ sinh an toàn thực phẩm tỉnh về việc đăng ký bảng kiểm kiểm tra y tế cuối năm 2013;

Thực hiện Công văn số 174/YDCT-QLY ngày 17/10/2013 của Cục Quản lý Y, Dược cổ truyền về việc hướng dẫn kiểm tra BV YHCT năm 2013;

Thực hiện Công văn số 770/ĐP-CĐT ngày 30/8/2013 của Cục Y tế dự phòng về việc hướng dẫn triển khai kiểm tra YTDP năm 2013;

Thực hiện Công văn số 1158/KCB-QLCL ngày 5/12/2013 của Cục Quản lý Khám, Chữa bệnh về việc hướng dẫn kiểm tra, đánh giá chất lượng bệnh viện năm 2013,

Sở Y tế Bình Phước đã xây dựng Kế hoạch kiểm tra hoạt động y tế số 1284/KH-SYT ngày 4/11/2013 về việc “Kiểm tra các đơn vị sự nghiệp y tế trực thuộc năm 2013” và Kế hoạch số 1481/KH-SYT ngày 11/12/2013 về việc kiểm tra y tế các bệnh viện, trung tâm y tế huyện/thị năm 2013.

Từ ngày 12/11/2013 đến ngày 13/1/2014, Đoàn kiểm tra của Sở Y tế đã tiến hành kiểm tra hoạt động y tế các đơn vị trực thuộc, các Trung tâm y tế huyện/thị và đánh giá chất lượng các Bệnh viện đa khoa, TTYT có giường bệnh trên địa bàn tỉnh, kết quả như sau:

A. THÔNG TIN CHUNG:

1. Đơn vị hành chính:

STT	Tên đơn vị	Dân số (người)	Diện tích (km ²)	Các đơn vị y tế được kiểm tra
1	Thị xã Đồng Xoài	81.054	167,70	BVĐK tỉnh TTYT tx Đồng Xoài BV YHCT tỉnh <i>Và các đơn vị sự nghiệp y tế trực thuộc</i>
2	Thị xã Phước Long	49.939	118,84	BVĐK tx Phước Long TTYT tx Phước Long
3	Thị xã Bình Long	57.612	126,29	BVĐK tx Bình Long TTYT tx Bình Long BVĐK cao su Bình Long
4	Huyện Lộc Ninh	117.201	853,95	BVĐK huyện Lộc Ninh TTYT huyện Lộc Ninh BVĐK cao su Lộc Ninh
5	Huyện Chơn Thành	71.165	389,84	BVĐK huyện Chơn Thành TTYT Chơn Thành
6	Huyện Hớn Quản	98.129	664,37	TTYT huyện Hớn Quản
7	Huyện Bù Đăng	144.356	1.501,72	BVĐK Bù Đăng TTYT Bù Đăng
8	Huyện Đồng Phú	89.588	936,22	BVĐK Đồng Phú TTYT Đồng Phú BVĐK TN Thánh Tâm BVĐK cao su Đồng Phú
9	Huyện Bù Đốp	56.862	376,49	BVĐK Bù Đốp TTYT Bù Đốp
10	Huyện Bù Gia Mập	167.937	1.736,12	TTYT Bù Gia Mập BVĐK cao su Phú Riềng
Tổng cộng		933.843	6.871,54	35 đơn vị

Các đơn vị sự nghiệp y tế trực thuộc bao gồm: Trung tâm Y tế Dự phòng tỉnh; Trung tâm Phòng chống Sốt rét tỉnh; Trung tâm Phòng chống các bệnh xã hội tỉnh; Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm; Trung tâm Kiểm nghiệm Dược Phẩm – Mỹ Phẩm; Công ty Dược Dopharco; Trường Trung Cấp Y tế; Phòng Giám định Y khoa; Chi cục Dân số - KHHGD; Trung tâm Chăm sóc Sức khỏe sinh sản và TT PC HIV/AIDS tỉnh.

B. KẾT QUẢ KIỂM TRA

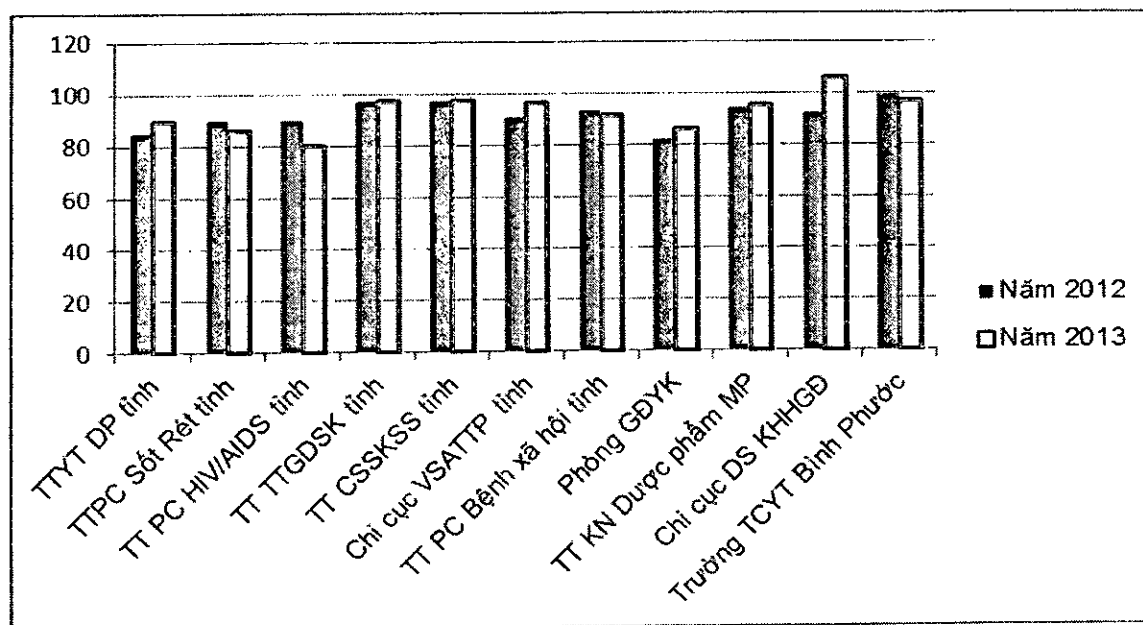
I. ĐỐI VỚI CÁC ĐƠN VỊ Y TẾ SỰ NGHIỆP TRỰC THUỘC

1. Tóm tắt kết quả kiểm tra:

Bảng 1. Bảng tổng hợp kết quả kiểm tra các đơn vị trực thuộc

STT	Tên đơn vị	Tóm tắt kết quả			
		Điểm chuẩn	Điểm đạt	Tỷ lệ %	Xếp loại
1	TTYT DP tỉnh	93	82.90	89.1	Giỏi
2	TTPC Sốt Rét tỉnh	100	86.1	86.1	Giỏi
3	TT PC HIV/AIDS tỉnh (Kết quả kiểm tra chéo của tỉnh Bạc Liêu)	96.25	77	80	Khá
4	TT TTGDSK tỉnh	100	97	97	Xuất sắc
5	TT CSSKSS tỉnh	140	136.25	97.32	Xuất sắc toàn diện
6	Chi cục VSATTP tỉnh	100	96	96	A (tốt)
7	TT PC các Bệnh xã hội tỉnh	100	91.1	91.1	Giỏi
8	Phòng GDYK	120	103.3	86.083	Khá
9	TT Kiểm nghiệm Dược phẩm Mỹ phẩm	60	57.2	95.33	Giỏi
10	Chi cục DS KHHGD	143.5	151.78	105.77	Xuất sắc
11	Trường TCYT Bình Phước	140	135.5	96.79	Giỏi

(Xếp loại theo sự phân loại của BHYT cho từng đơn vị đặc thù riêng)



Biểu đồ so sánh với năm 2012

2. Nhận xét:

2.1. Trung tâm Y tế dự phòng tỉnh:

Do đặc điểm tỉnh Bình Phước là vùng trọng điểm sốt rét, có Trung tâm Phòng chống sốt rét tỉnh, Trung tâm Phòng chống các Bệnh xã hội tỉnh phụ trách các lĩnh vực sốt rét, bấuu cổ nên không tính điểm khoa sốt rét – bấuu cổ. Vì vậy, Điểm chuẩn của TTYDP tỉnh còn 94 điểm.

2.1.1. Ưu điểm chính:

- Đơn vị đã quan tâm đến công tác đào tạo và đào tạo lại.
- Công tác Kế hoạch, chỉ đạo tuyến đạt yêu cầu.
- Các bệnh truyền nhiễm không để xảy ra dịch lớn.

2.1.2. Tồn tại chính:

- Công tác NCKH chưa đạt yêu cầu.
- Labo xét nghiệm chưa đạt chuẩn quốc gia.

2.2. Trung tâm Phòng chống Sốt rét

2.2.1. Ưu điểm chính:

- Công tác tài chính theo dõi, quản lý các nguồn kinh phí tốt, quản lý tài sản tương đối tốt.
- Thực hiện tốt kế hoạch, tổ chức giám sát, báo cáo, đánh giá hiệu quả hoạt động theo quy định.
- Được Quỹ toàn cầu hỗ trợ nên công tác tuyên truyền, nâng cao công tác chẩn đoán, điều trị đạt kết quả tốt.

2.2.2 Tồn tại chính:

- Việc chuẩn hóa cán bộ trong đơn vị còn yếu.

2.3. Trung tâm Phòng chống các bệnh xã hội

2.3.1. Ưu điểm chính:

- Công tác kế hoạch tài chính, tổ chức, hàng quý, năm lên kế hoạch, báo cáo tháng, quý, năm đầy đủ, thực hiện các chỉ tiêu theo Kế hoạch đề ra.
- Công tác chỉ đạo tuyến tốt.

2.3.2. Tồn tại chính:

- Công tác nghiên cứu khoa học cần được tiếp tục phát huy hơn nữa.
- Cần mở sổ sách theo dõi tài sản.
- Kế hoạch chuyên môn cần được xây dựng chi tiết, cụ thể hơn.

2.4. Trung tâm Phòng chống HIV/AIDS

2.4.1 Ưu điểm chính:

- Các chỉ tiêu chuyên môn đã được triển khai đầy đủ và đạt kết quả khá tốt.

- Đoàn kiểm tra công nhận 82,25/91,5 điểm.

2.4.2 Tồn tại chính:

- Thông tin giáo dục truyền thông và thay đổi hành vi có phối hợp với tòa soạn báo địa phương nhưng cần phải có chuyên mục riêng.
- Chương trình can thiệp giảm tác hại nên triển khai chương trình bao cao su thông qua hội nghị đồng thuận.

2.5. Trung tâm Chăm sóc sức khỏe sinh sản

2.5.1 Ưu điểm chính:

- Tình hình thực hiện chỉ tiêu năm 2013 đều đạt và vượt.
- Tổ chức tốt việc sinh hoạt chính trị thường kỳ, thông tin kịp thời chỉ thị Nghị quyết của Cấp trên kịp thời
- Cơ sở thoáng mát, sạch sẽ, đủ số phòng để triển khai chuyên môn.
- Công tác giám sát, chỉ đạo tuyến tốt.
- Hoàn thành tốt các chỉ tiêu do về Công tác CSSKSS.
- Quản lý tài chính, tài sản tốt.
- Hoạt động đào tạo triển khai khá tốt.

2.5.2. Tồn tại chính:

- Tai biến sản khoa vẫn chưa giảm.
- Chưa có hệ thống xử lý chất thải lỏng.
- Chỉ tiêu giảm SDD CN/tuổi chưa đạt so với kế hoạch Sở Y tế giao.

2.6. Chi cục Dân số - KHHGD

2.6.1 Ưu điểm chính:

- Đơn vị thực hiện tốt công tác tổ chức, phát huy vai trò lãnh đạo.
- Hoàn thành tốt các chỉ tiêu được giao.
- Thực hiện tốt các chương trình giảm tỷ lệ sinh..

2.6.2 Tồn tại chính:

- Cần quan tâm hơn nữa công tác NCKH.
- Đẩy mạnh công tác quản lý đơn vị

2.7. Trung tâm Kiểm nghiệm Dược phẩm – Mỹ phẩm

2.7.1 Ưu điểm chính:

- Đơn vị đã hoàn thành các chỉ tiêu về chuyên môn cũng như công tác giám sát chất lượng thuốc. Không để thuốc giả, thuốc kém chất lượng lưu hành trên địa bàn.
- Công tác quản lý tài chính tốt.

- Đơn vị đã thực hiện chức năng và hoàn thành nhiệm vụ được giao.

2.7.2 Tồn tại chính:

- Chưa có trụ sở làm việc.
- Cơ sở vật chất và trang thiết bị chưa đáp ứng được công tác chuyên môn.

2.8. Trường Trung cấp Y tế tỉnh Bình Phước

2.8.1 Ưu điểm chính:

- Công tác tài chính – kế toán, theo dõi tài sản tốt.
- Thực hiện tốt việc xây dựng kế hoạch tuyển sinh, chỉ tiêu tuyển sinh hàng năm và các Quy chế hoạt động của Nhà trường.
- Triển khai thực hiện tốt công tác quản lý học sinh, công tác đào tạo.

2.8.2 Mặt tồn tại:

- Còn có học sinh vi phạm các kỳ kiểm tra, thi cử.
- Đơn vị cần quan tâm hơn nữa đối với công tác cải tiến kỹ thuật tại các phòng, bộ môn.

2.9. Chi cục vệ sinh an toàn thực phẩm tỉnh:

2.9.1. Ưu điểm chính:

- Thực hiện đầy đủ, tốt hoạt động của ban chỉ đạo.
- Tổ chức thực hiện tốt công tác tuyên truyền, kiểm tra, xử lý vi phạm, điều tra đánh giá xử lý ngộ độc kịp thời.

2.9.2. Mặt tồn tại:

- Địa phương chưa cung cấp kinh phí về phòng chống ngộ độc thực phẩm.
- Chưa có trụ sở làm việc.

2.10. Trung tâm Truyền thông Giáo dục Sức khỏe tỉnh:

2.10.1 Ưu điểm chính:

- Tổ chức tốt mạng lưới truyền thông từ tuyến tỉnh đến cơ sở.
- Đã hoàn thành tốt chỉ tiêu kế hoạch trong năm 2013.
- Hoàn thành tốt các chế độ thu chi ngân sách theo quy định, có định mức kinh phí địa phương chi cho truyền thông.
- Thực hiện tốt các hoạt động chuyên mục y tế trên đài phát thanh, truyền hình và trên báo địa phương.
- Trung tâm đã chuẩn bị tốt các hồ sơ, văn bản cho Đoàn kiểm tra, đã làm đầy đủ các mặt như tổ chức bộ máy, triển khai và chỉ đạo tuyến dưới, xây dựng kế hoạch hoạt động truyền thông.

2.10.2 Mặt tồn tại:

- Ban giám đốc còn thiếu theo quy định.
- Phương tiện đi lại chưa được đảm bảo cho công tác TTGD SK tại cộng đồng (xe ô tô).

2.11. Phòng Giám định Y khoa:

2.11.1 Ưu điểm chính:

- Phòng Giám định Y khoa đã thực hiện được các chỉ tiêu đề ra, trong công tác chuyên môn có 3 chỉ tiêu vượt kế hoạch ở mức cao.
- Thực hiện tốt công tác quản lý đơn vị.
- Chấp hành tốt các quy định về chuyên môn.

2.11.2 Mặt tồn tại:

- Tăng cường công tác bảo vệ.
- Chưa có trụ sở làm việc.
- Chưa thành lập được phòng khám bệnh nghề nghiệp.
- Công tác nghiên cứu khoa học cần được quan tâm hơn nữa.

II. ĐỐI VỚI BỆNH VIỆN ĐA KHOA, TTYT CÓ GIƯỜNG BỆNH

Thực hiện đánh giá chất lượng bệnh viện theo Bộ tiêu chí đánh giá chất lượng bệnh viện của Bộ Y tế ban hành kèm theo Quyết định số 4858/QĐ-BYT ngày 03 tháng 12 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Y tế.

1. Bảng tổng hợp kết quả đánh giá chất lượng bệnh viện

STT	Tên đơn vị	Tóm tắt kết quả	
		Điểm trung bình chung của các tiêu chí	Tổng số các tiêu chí được áp dụng đánh giá
1	TTYT Thị xã Đồng Xoài	2.37	79/83
2	BVĐK Thị xã Phước Long	3.20	83/83
3	BVĐK Thị xã Bình Long	2.67	80/83
4	BVĐK Huyện Lộc Ninh	3.16	82/83
5	BVĐK Huyện Chơn Thành	2.65	82/83
6	TTYT Huyện Hớn Quản	1.97	79/83
7	BVĐK Huyện Bù Đăng	2.54	83/83
8	BVĐK Huyện Đồng Phú	2.01	81/83
9	BVĐK Huyện Bù Đốp	2.06	83/83
10	BVĐK tỉnh	2.34	83/83

11	BV YHCT tỉnh (kết quả tự đánh giá)	2.24	78/83
12	BVĐK TN Thánh Tâm	2.37	82/83
13	BVĐK cao su Đồng Phú	2.24	82/83
14	BVĐK cao su Phú Riềng	2.57	82/83
15	BVĐK cao su Lộc Ninh	2.57	82/83
16	BVĐK cao su Đồng Phú	2.60	82/83

* Đoàn kiểm tra thực hiện đánh giá chất lượng bệnh viện, TTYT có giường bệnh năm 2013 và **không** thực hiện xếp loại các đơn vị.

*** Kết quả kiểm tra chéo của BV YHCT tỉnh Trà Vinh đối với BV YHCT tỉnh Bình Phước:**

Thực hiện theo Công văn số 174/YDCT-QLY ngày 17/10/2013 của Cục Quản lý Y dược cổ truyền về việc hướng dẫn kiểm tra BV YHCT năm 2013 và Quyết định số 4127/QĐ-BYT ngày 17/10/2013 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc ban hành bảng kiểm tra BV YHCT năm 2013.

STT	Nội dung	Điểm chuẩn	Tổng số điểm chấm	Điểm trừ	Tổng số điểm đạt
1	Cơ sở vật chất	15.50	14.75	0	14.75
2	Quản lý bệnh viện	19.00	17.25	0	17.25
3	Chức năng và nhiệm vụ	16.50	13.00	1	12.00
4	Thực hiện Quy chế chuyên môn	49.00	45.41	0	45.41
Tổng cộng		100	90.41	1	89.41

2. Nhận xét, đánh giá chất lượng bệnh viện, TTYT có giường bệnh

a) Ưu điểm chính:

- Hầu hết các đơn vị thực hiện tốt công tác cung ứng thuốc, VTYT kịp thời đảm bảo cho nhu cầu điều trị.
- Công tác nâng cao kỹ năng ứng xử giao tiếp, y đức cho nhân viên y tế được chú trọng quan tâm.
- Chất lượng khám chữa bệnh mỗi ngày được nâng cao.
- Đạt các chỉ tiêu trọng tâm do Sở Y tế giao và thực hiện tốt công tác chỉ đạo tuyến - đề án 1816.
- Điều kiện cơ sở vật chất phục vụ người bệnh tốt, môi trường chăm sóc người bệnh tốt.
- Nguồn nhân lực có chất lượng tốt, có chế độ đãi ngộ và điều kiện môi trường làm việc tốt.

- Các đơn vị đã có ứng dụng công nghệ thông tin vào quản lý bệnh viện.
- Công tác quản lý chất lượng Bệnh viện được duy trì thường xuyên, thể hiện qua giao ban các khoa phòng hàng ngày.
- Một số đơn vị đã triển khai lấy số tự động (BVĐK Lộc Ninh, Chơn Thành, Bình Long).
- Các bệnh viện thực hiện quản lý chống nhiễm khuẩn tốt, có sổ sách quản lý theo dõi chất lượng điều trị, sổ bình bệnh án định kỳ, có thực hiện nội kiểm thường xuyên đảm bảo chất lượng xét nghiệm, thực hiện tốt công tác đảm bảo an ninh trật tự trong đơn vị; Có tiến hành cải tiến quy trình khám bệnh. Người bệnh cấp cứu được quan tâm kịp thời; Quy trình lưu giữ bệnh án tốt; Giá viện phí đảm bảo công khai và phù hợp; Có tiến hành khảo sát sự hài lòng bệnh nhân; Có diễn tập, kiểm tra phòng chống cháy nổ; Thực hiện tốt công tác truyền thông chăm sóc sức khỏe sinh sản trước, trong và sau sinh.
- Các đơn vị đã có thiết lập đường dây nóng theo quy định của Bộ Y tế.
- Trong hoạt động, không xảy ra sai sót chuyên môn, có lập các sổ theo dõi chất lượng chuyên môn, sổ báo cáo sai sót chuyên môn, có bảng công bố chất lượng chuyên môn công khai.
- Các đơn vị xây dựng danh mục thuốc, vật tư y tế, sử dụng tại đơn vị đúng quy định; Có thành lập bộ phận thông tin thuốc, hội đồng thuốc và điều trị hoạt động tương đối tốt; Công tác báo cáo, thống kê thuốc, vật tư y tế thực hiện tốt; Công tác quản lý sử dụng thuốc an toàn, hiệu quả và báo cáo, theo dõi chặt chẽ đúng quy định; công tác báo cáo ADR thực hiện tốt.
- Người bệnh được tiếp đón và có hướng dẫn đầy đủ khi đến khám và có sẵn chờ thoáng mát, thoải mái.

b) Nhược điểm, tồn tại chính:

- Hầu hết các Nhà thuốc bán lẻ của Bệnh viện chưa đạt chuẩn GPP theo quy định của BHYT: TTYT cao su Bình Long, TTYT Hớn Quản, TTYT cao su Đồng Phú, Cao su Lộc Ninh, TTYT Đồng Xoài, BVĐK Lộc Ninh, Thánh Tâm...
- Bác sĩ còn thiếu không đủ phục vụ cho công tác khám chữa bệnh: BVĐK Chơn Thành, BVĐK Đồng Phú...
- TTYT Đồng Xoài: các khoa, phòng thuộc hệ dự phòng và nhà hộ sinh còn sử dụng cơ sở cũ của Bệnh viện Đồng Phú nên đang xuống cấp trầm trọng.
- Tình trạng Hồ sơ bệnh án bị tẩy xóa còn nhiều.
- Hầu hết các bệnh viện tuyến huyện chưa có khoa tiết chế dinh dưỡng.
- Chưa áp dụng công nghệ thông tin, phần mềm quản lý bệnh viện: BVĐK Bù Đăng...
- Trình độ điều dưỡng trưởng chưa đạt chuẩn: BVĐK Bù Đốp ...
- Một số bệnh viện chưa thành lập khoa Chống nhiễm khuẩn.

- Còn tình trạng đơn vị chưa có trụ sở để triển khai hoạt động KCB, phải sử dụng cơ sở vật chất tạm bợ: TTYT Hớn Quán, TTYT Bù Gia Mập.
- Vẫn còn có đơn thư khiếu nại, tố cáo xảy ra ở một số đơn vị.
- Hầu hết các đơn vị chưa có kế hoạch hoạt động ngắn hạn, trung hạn và dài hạn.

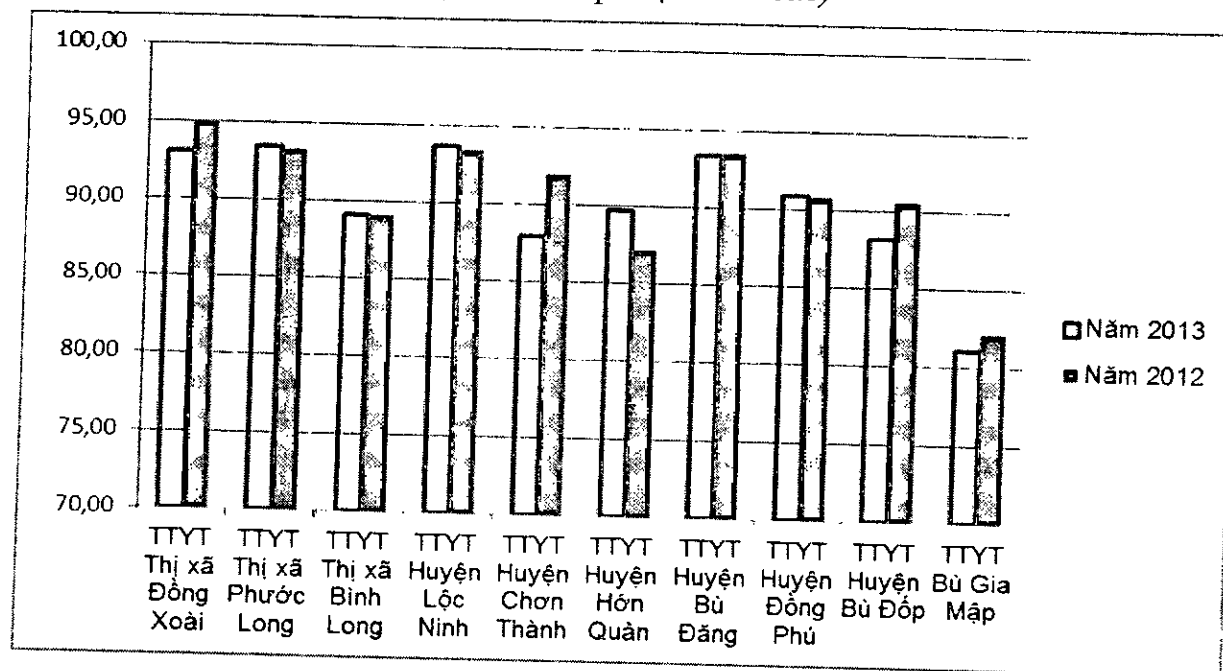
III. ĐỐI VỚI HỆ DỰ PHÒNG – CÁC TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN/THỊ XÃ

Thực hiện kiểm tra theo Bảng kiểm tra Trung tâm Y tế tuyến huyện/thị xã năm 2012 ban hành theo Quyết định số 1016/QĐ-SYT ngày 09/11/2012 của Sở Y tế.

1. Bảng tổng hợp kết quả kiểm tra các TTYT huyện/thị xã

STT	Tên đơn vị	Tóm tắt kết quả (Điểm chuẩn 100)	
		Tỷ lệ % (Điểm đạt/Điểm chuẩn)	Xếp loại
1	TTYT Thị xã Đông Xoài	93.05	Xuất sắc
2	TTYT Thị xã Phước Long	93.45	Xuất sắc
3	TTYT Thị xã Bình Long	89.05	Xuất sắc
4	TTYT Huyện Lộc Ninh	93.7	Xuất sắc
5	TTYT Huyện Chơn Thành	87.9	Xuất sắc
6	TTYT Huyện Hớn Quán	89.7	Xuất sắc
7	TTYT Huyện Bù Đăng	93.325	Xuất sắc
8	TTYT Huyện Đồng Phú	90.85	Xuất sắc
9	TTYT Huyện Bù Đốp	88.1	Xuất sắc
10	TTYT Bù Gia Mập	81.05	Xuất sắc

(>80%: xếp loại Xuất sắc)



Biểu đồ so sánh kết quả kiểm tra so với năm 2012

2. Nhận xét chung

- Các đơn vị đều đạt kết quả xếp loại xuất sắc, hoàn thành chỉ tiêu, kế hoạch đề ra; đáng khuyến khích là TTYT huyện Hớn Quản tăng 4,6% (năm 2012: 87,15). Tuy nhiên, trong đó TTYT huyện Bù Đốp đạt 88,1% giảm 2,45% so với năm 2012 (90,55); TTYT huyện Chơn Thành đạt 87,9% giảm 4,1% do các yếu tố khách quan.

3. Nhận xét, đánh giá chi tiết

a) Ưu điểm chính:

- Bảo quản và sử dụng trang thiết bị tốt.
- Xây dựng Kế hoạch hoạt động đầy đủ, quản lý, sử dụng nguồn ngân sách nhà nước tốt.
- Báo cáo, sổ sách, hồ sơ lưu đầy đủ.
- Triển khai thực hiện tốt các chương trình mục tiêu quốc gia.
- Thực hiện tốt công tác liên ngành.
- Xử lý kịp thời các ổ dịch nhỏ.
- Triển khai thực hiện tốt các chương trình mục tiêu phòng chống dịch bệnh đạt chỉ tiêu kế hoạch đề ra.
- Phong trào thi đua trong đơn vị thực hiện tốt.

b) Nhược điểm chính:

- Công tác nghiên cứu khoa học chưa được quan tâm.
- Tỷ lệ tiêm chủng đầy đủ cho trẻ em và phụ nữ có thai chưa đạt chỉ tiêu.
- Công tác chỉ đạo phòng chống sốt rét chưa thể hiện bằng văn bản cụ thể (văn bản của UBND huyện/thị).
- Chưa thực hiện được công tác nuôi cấy vi khuẩn để xác định nguồn lây theo quy định do thiếu trang thiết bị.
- Một số đơn vị chưa có văn bản ký kết hợp đồng với cơ sở xử lý chất thải y tế.
- Một số đơn vị chưa phối hợp với các ngành chức năng địa phương kiểm tra việc thực hiện các chế độ chính sách của nhà nước về bảo vệ người lao động.
- Còn tình trạng các trung tâm chưa có phòng làm việc riêng cho các khoa/phòng, cơ sở còn tạm bợ, chưa phù hợp.
- Chưa đạt 100% các trưởng/phó khoa/phòng có trình độ đại học.

C. KIẾN NGHỊ

I. Đối với các đơn vị sự nghiệp y tế trực thuộc:

Duy trì kết quả đã đạt được, khắc phục những tồn tại, nhược điểm nêu trên.

II. Đối với hệ điều trị:

1. Đối với các Bệnh viện, TTYT có giường bệnh:

- Nâng cao chất lượng bệnh viện; Ưu tiên phát triển nguồn nhân lực đặc biệt về chất lượng và cơ cấu, cần ứng dụng công nghệ thông tin vào công tác chuyên môn, quản lý bệnh viện; Tích cực nâng cao trình độ cho cán bộ Y tế.
- Căn cứ vào kết quả kiểm tra, các yếu tố khách quan và chủ quan của đơn vị, đề nghị các Bệnh viện, TTYT có giường bệnh xây dựng kế hoạch trung hạn và dài hạn để phát triển và đẩy mạnh xây dựng đề án quản lý, chất lượng bệnh viện cụ thể theo từng hạng mục ưu tiên đối với từng khoa, phòng, bộ phận và đưa vào hoạt động.
- Các đơn vị ưu tiên xây dựng kế hoạch nâng cấp, cải tạo hệ thống xử lý chất thải y tế.
- Tập trung nâng cao y đức trong toàn thể y, bác sỹ, điều dưỡng, cán bộ y tế của đơn vị mình.
- Ngoài ra các Bệnh viện cần triển khai thực hiện các công trình nghiên cứu chống nhiễm khuẩn, công tác nghiên cứu khoa học trong năm 2014.

2. Đối với UBND các huyện/thị xã:

- **UBND Huyện Bù Đốp:** Đầu tư kinh phí trang bị hệ thống mạng nội bộ để nâng cao chất lượng KCB và quản lý bệnh viện; Xây dựng hoàn thiện đường vào bệnh viện Bù Đốp phục vụ thuận tiện đi lại cho bệnh nhân và thân nhân.
- **UBND huyện Hớn Quản:** Xây dựng trụ sở (Bệnh viện Hớn Quản) để đảm bảo phục vụ công tác KCB.
- **UBND huyện Bù Đăng:** Cần có kế hoạch áp dụng công nghệ thông tin, phần mềm quản lý bệnh viện vào quản lý chất lượng bệnh viện; Cấp kinh phí cho BVĐK Bù Đăng theo quá trình cải tiến chất lượng để đảm bảo chất lượng khám chữa bệnh nhân dân trên địa bàn huyện.
- **UBND thị xã Đồng Xoài:** Bổ sung thêm biên chế đúng theo thông tư 08/2007/TTLT-BYT-BNV về việc hướng dẫn định mức biên chế trong các cơ sở nhà nước; Đầu tư thêm trang thiết bị y tế.

III. Đối với hệ dự phòng:

- Duy trì kết quả đạt được. Một số đơn vị giảm so với năm 2012 cần rà soát, chấn chỉnh, khắc phục những nhược điểm, tồn tại nêu trên.
- Tham mưu UBND huyện/thị các văn bản chỉ đạo công tác PCSR đúng quy định (một số đơn vị chưa thực hiện).
- Cần xây dựng kế hoạch phát triển đơn vị ngắn hạn, trung hạn và dài hạn. Trong thời gian tới không còn tình trạng cán bộ Trưởng/phó có trình độ trung cấp.
- Tăng cường công tác kiểm tra việc thực hiện các chế độ chính sách của nhà nước về bảo vệ người lao động trên địa bàn quản lý.

D. KIẾN NGHỊ ĐỐI VỚI BỘ Y TẾ:


- Cần điều chỉnh, ban hành bảng kiểm tra Trung tâm Y tế huyện/thị xã cho phù hợp hơn với tình hình hoạt động hiện nay.
- Sớm cấp kinh phí thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia từ đầu năm để các đơn vị thực hiện nhiệm vụ kịp tiến độ, thời gian kế hoạch đề ra.
- Bộ tiêu chí đánh giá chất lượng bệnh viện có một số mục mang nặng về văn bản, những gì có trong quy chế bệnh viện thì không cần phải ra thêm văn bản gây khó khăn, bất cập. Bộ tiêu chí cần thiết chia theo phân hạng bệnh viện cho phù hợp hơn với cơ cấu, quy mô của từng bệnh viện.

Trên đây là báo cáo kết quả kiểm tra hoạt động y tế năm 2013 đối với các đơn vị y tế trên địa bàn tỉnh của Sở Y tế Bình Phước.

Nơi nhận:

- Bộ Y tế;
- Cục Quản lý Khám chữa bệnh;
- Tổng cục Dân số KHHGD;
- Vụ Chăm sóc sức khỏe bà mẹ và trẻ em;
- Cục Vệ sinh an toàn thực phẩm;
- Cục Quản lý YDCT;
- Cục Y tế Dự phòng;
- UBND tỉnh;
- Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy;
- Ban Tổ chức Tỉnh ủy;
- Đảng ủy khối dân chính Đảng;
- Ban Giám đốc Sở;
- Các phòng thuộc Sở;
- Các Đơn vị nhận kiểm tra;
- Lưu VT, NVY (Đang 23.1)

GIÁM ĐỐC



Nguyễn Đình Thông